

Bản án số: 17/2024/HS-ST
Ngày: 29-01-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. PHAN RANG – THÁP CHÀM,
TỈNH NINH THUẬN

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyên Vy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Huỳnh Sinh

Bà Mai Huệ Anh Đài

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Ánh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm tham gia phiên tòa:* Ông Võ Phúc Huy – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang – T, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 195/2023/HSST ngày 21 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2024/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo:

Bùi Thị Ngọc T, sinh năm 1994 tại Ninh Thuận; nơi cư trú: **Khu phố G, phường T, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận**; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Bùi Văn T1** (đã chết) và bà **Lê Thị Kim H**; có chồng tên **Trương Đình N**; có 02 con, lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2019;

Tiền án, tiền sự: Không;

Hiện bị cáo đang chấp hành lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:*

Bà **Nguyễn Ngọc P**, sinh năm: 1991.

Địa chỉ: **Khu phố G, phường K, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận** (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 50 phút ngày 18/9/2023, **Bùi Thị Ngọc T** đi cùng chồng và 2 con còn nhỏ đến quán “**A D**” ở nhà **số A H, thuộc khu phố G, K, TP**. Tháp Chàm, của vợ chồng chị **Nguyễn Ngọc P** để ăn uống. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, do là chỗ quen biết từ trước nên **T** đi vào phòng ngủ của vợ chồng chị **P**, gọi chị **P** ra ngoài để phục vụ quán nhưng do chị **P** đang bận tắm cho con trong nhà vệ sinh (*nằm trong phòng ngủ*) nên **T** ngồi đợi và mở ti vi để xem. Một lúc sau, **T** tắt ti vi rồi đem cất điều khiển tivi lên mặt tủ nhựa 4 ngăn trong phòng thì nhìn thấy bên trong tủ có tiền nên nảy sinh ý định trộm cắp. Trộm lấy trộm được 03 tờ tiền có mệnh giá 500.000 đồng rồi tiếp tục lục lọi, mở ngăn tủ trên cùng của tủ nhựa 05 ngăn bên cạnh, lấy được 01 nhẫn bằng vàng 18K, có 2 viên hạt bi, chính giữa đính đá và 01 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng. **T** cất giấu tài sản vừa trộm được trong người rồi đi ra lại ngoài bàn để tiếp tục ăn uống. Sau đó, **T** đem nhẫn vừa trộm được về nhà cất giấu, số tiền 2.000.000 vừa trộm được, **T** mang theo trong người. Sau khi chị **P** tắm cho con xong, ra kiểm tra lại tài sản thì phát hiện bị mất trộm nên đến Công an trình báo. Tại Cơ quan Công an, **T** đã thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản của mình và giao nộp toàn bộ tài sản đã chiếm đoạt.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 89/KL-HĐĐGTS ngày 11/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự **TP**. Tháp Chàm kết luận: Tài sản cần định giá 01 nhẫn kim loại màu vàng, có 2 viên hạt bi, chính giữa đính đá là trang sức bằng vàng 18k khối lượng 6 phân 8 li. Thời điểm định giá ngày 18/9/2023, nhẫn vàng nói trên có giá trị: 2.176.000 đồng

Tổng giá trị tài sản **Bùi Thị Ngọc T** chiếm đoạt là 4.176.000 đồng.

Cáo trạng số 188/CT-VKSPR ngày 21/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang – **T, tỉnh Ninh Thuận** truy tố bị cáo **Bùi Thị Ngọc T** về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo **Bùi Thị Ngọc T** đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như trên.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo **Bùi Thị Ngọc T** về tội “*Trộm cắp tài sản*” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 173; Điểm b, h, i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Bùi Thị Ngọc T** từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách.

Bị cáo đồng ý với quan điểm luận tội của Viện kiểm sát tại phiên tòa, bị cáo không tranh luận. Lời nói sau cùng trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án: Bị cáo nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an thành phố P – T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang – T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và các chứng cứ tài liệu khác đã thu thập được trong quá trình điều tra có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với nội dung bản cáo trạng đã truy tố, nên đủ cơ sở kết luận: Khoảng 20 giờ ngày 18/9/2023, tại quán “A D”, nhà số A H, thuộc khu phố G, K, TP. Tháp Chàm, Bùi Thị Ngọc T đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp 01 nhẫn bằng vàng 18K, có 2 viên hạt bi, chính giữa đính đá, trị giá 2.176.000 và số tiền 2.000.000 đồng, của chị Nguyễn Ngọc P, tổng trị giá tài sản mà T chiếm đoạt là 4.176.000 đồng. Vì vậy, Cáo trạng số: 188/CT-VKSPR ngày 21/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang – T, tỉnh Ninh Thuận truy tố bị cáo Bùi Thị Ngọc T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do đó, cần phải xử lý thật nghiêm trước pháp luật nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[4] Xét về nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự thấy rằng: Bị cáo là người có nhân thân tốt thể hiện qua việc bị cáo không có tiền án, tiền sự; bị cáo đã khắc phục hậu quả; phạm tội gây thiệt hại không lớn; mới phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nhận thức được việc làm sai trái của mình để có hướng sửa chữa lỗi lầm; bị hại đã nhận lại tài sản và xin giảm nhẹ hình phạt. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, h, i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Mặt khác, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, ổn định nên Hội đồng

xét xử xét thấy không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cần áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại đã nhận lại toàn bộ tài sản và không có yêu cầu gì về dân sự nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về biện pháp tư pháp:

Đối với 01 nhẫn bằng vàng 18K, có 2 viên hạt bi, chính giữa đính đá và 04 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng; Cơ quan điều tra đã tạm giữ và trả lại cho chủ sở hữu bà Nguyễn Ngọc P là phù hợp.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự.

1. Tuyên bố bị cáo Bùi Thị Ngọc T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt bị cáo Bùi Thị Ngọc T 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 (Mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Bùi Thị Ngọc T cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận nơi bị cáo đang cư trú quản lý, giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Bùi Thị Ngọc T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, sơ thẩm có mặt bị cáo; quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại, quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- Sở tư pháp tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND Tp. PRTC;
- Công an TP.PRTC;
- Chi cục THADS TP.PRTC;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu (hồ sơ, án văn)/.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nguyên Vy

